

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ của ngành Ngoại vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2673/QĐ-BNG ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới được ban hành và bị bãi bỏ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 70/TTr-SNV ngày 18 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành; 06 thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Ngoại vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
NGÀNH NGOẠI VỤ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

I. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính
A	TTHC CẤP TỈNH
I	Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện Thỏa thuận quốc tế
1	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh
2	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh rút gọn
3	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều Cơ quan cấp tỉnh
4	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh
5	Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp
6	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan cấp Sở bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp
7	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều cơ quan cấp Sở
8	Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết trước ngày 01/7/2025
9	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới
10	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới
II	Lĩnh vực: Đối ngoại
1	Xin phép tổ chức đoàn ra
2	Cho phép đón tiếp đoàn vào

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế	
1	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại. - Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.
2	Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới	
3	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện	
4	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới	
5	Chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp huyện	
6	Chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới	

Phần II.**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ****A. Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế****I. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh****1. Các bước thực hiện:**

- Bước 1: Sở Ngoại vụ trình Hội đồng nhân dân (HĐND) hoặc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh HĐND hoặc UBND cấp tỉnh để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

- Bước 2: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về đề xuất ký TTQT.

(* Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến nhất trí với đề xuất ký kết TTQT

- Bước 3: Sở Ngoại vụ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết TTQT trình Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 4: Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định và tiến hành ký kết hoặc ủy quyền cho một người khác ký TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh.

- Bước 5: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): HĐND cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, gửi bản sao TTQT cho Bộ Ngoại giao; UBND cấp tỉnh gửi báo cáo về việc ký kết TTQT cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

(* Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không nhất trí với đề xuất ký kết TTQT

- Bước 3: Sở Ngoại vụ trao đổi, trình UBND cấp tỉnh gửi công văn lấy ý kiến Bộ Ngoại giao về sự cần thiết của việc ký kết TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 4: (07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đề xuất): Bộ Ngoại giao cho ý kiến bằng văn bản về sự cần thiết của việc ký kết TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 5: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của Bộ Ngoại giao, Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định ký kết TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh.

- Bước 6: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): HĐND cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ bằng văn bản, gửi bản sao TTQT cho Bộ Ngoại giao; UBND cấp tỉnh gửi báo cáo về việc ký kết TTQT cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, gửi bản sao TTQT đã ký cho Bộ Ngoại giao.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: yêu cầu, mục đích của việc ký kết TTQT; nội dung chính của TTQT; đánh giá sự phù hợp của TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động của TTQT về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác; việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật TTQT số 70/2020/QH14; tính khả thi, hiệu quả của TTQT.

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật TTQT số 70/2020/QH14 và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến (nếu có), đề xuất về việc ủy quyền ký TTQT (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến;

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Chủ tịch HĐND, UBND cấp tỉnh; cán bộ, công chức của Sở Ngoại vụ đề xuất ký kết TTQT; cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Ngoại vụ, các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan.

6. Kết quả thực hiện:

Văn bản thỏa thuận quốc tế đã được ký kết.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

II. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh theo quy trình rút gọn

1. Điều kiện áp dụng:

Trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh trong trường hợp đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền cho phép ký trong chuyến thăm của đoàn cấp cao Việt Nam tại nước ngoài hoặc của đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam;
- b) Cần phải xử lý gấp do yêu cầu về chính trị, đối ngoại, cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

2. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Sở Ngoại vụ trình Hội đồng nhân dân (HĐND) hoặc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh hồ sơ đề xuất ký kết TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

- Bước 2: (03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về đề xuất ký TTQT.

- Bước 3: Cơ quan đề xuất tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết TTQT trình Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 4: Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định ký kết hoặc ủy quyền cho một người khác ký kết TTQT nhân danh HĐND/UBND.

- Bước 5: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): HĐND cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và gửi bản sao TTQT.

3. Thành phần hồ sơ:

3.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT theo trình tự, thủ tục rút gọn phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: yêu cầu, mục đích của việc ký kết TTQT; nội dung chính của TTQT; đánh giá sự phù hợp của TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động của TTQT về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác; việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật TTQT số 70/2020/QH14; lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.

- Tài liệu chứng minh được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 35 của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại Điều 40 của Luật TTQT số 70/2020/QH14 và đề xuất về việc ủy quyền ký TTQT (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến;

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

4. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

5. Đối tượng thực hiện:

Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh; cán bộ, công chức của Sở Ngoại vụ đề xuất ký kết TTQT, các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan.

6. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Ngoại vụ, các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan.

7. Kết quả thực hiện:

Văn bản thỏa thuận quốc tế đã được ký kết.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

III. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều cơ quan cấp tỉnh.**1. Các bước thực hiện:**

- Bước 1: Các cơ quan cấp tỉnh cùng tham gia ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) với bên ký kết nước ngoài thống nhất bằng văn bản chỉ định một cơ quan nhà nước cấp tỉnh làm đầu mối ký kết (sau đây gọi tắt là “Cơ quan đầu mối”).

- Bước 2: Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến nội dung TTQT.

- Bước 3: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về đề xuất ký TTQT.

(* Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến nhất trí với đề xuất ký kết TTQT

- Bước 4: Sở Ngoại vụ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết TTQT trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (HĐND) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký kết TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh là một bên ký kết TTQT.

- Bước 6: (15 ngày kể từ ngày ký TTQT): UBND/HĐND báo cáo Bộ trưởng Ngoại giao bằng văn bản và gửi bản sao TTQT đã ký cho Bộ Ngoại giao.

(* Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không nhất trí với đề xuất ký kết TTQT

- Bước 4: Sở Ngoại vụ trao đổi, trình HĐND/UBND cấp tỉnh gửi công văn lấy ý kiến Bộ Ngoại giao về sự cần thiết của việc ký kết TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 5: (07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đề xuất): Bộ Ngoại giao cho ý kiến bằng văn bản về sự cần thiết của việc ký kết TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 6: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của Bộ Ngoại giao, Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký TTQT ký kết TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh là một bên ký kết TTQT.

- Bước 7: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): Cơ quan đầu mối báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bằng văn bản và gửi bản sao TTQT cho Bộ Ngoại giao.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất ký kết TTQT phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: yêu cầu, mục đích của việc ký kết TTQT; nội dung của TTQT; đánh giá sự phù hợp của việc ký kết TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động của việc ký kết TTQT về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác; việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14; tính khả thi, hiệu quả của việc ký kết TTQT.

- Dự thảo TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp ký kết TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản chỉ định cơ quan nhà nước cấp tỉnh làm đầu mối ký kết TTQT.

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật TTQT số 70/2020/QH14 và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến;

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Sở Ngoại vụ đề xuất ký kết TTQT.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Ngoại vụ, các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan, tổ chức liên quan.

6. Kết quả thực hiện

Văn bản thỏa thuận quốc tế đã được ký kết.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

IV. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Cơ quan nhà nước cấp tỉnh

1. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Sở Ngoại vụ trình Hội đồng nhân dân (HĐND) hoặc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh HĐND hoặc UBND cấp tỉnh để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

- Bước 2: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

(* Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến nhất trí với đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT

- Bước 3: Sở Ngoại vụ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT trình Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 4: Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh.

- Bước 5: (15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT có hiệu lực): HĐND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn TTQT.

(*) Trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không nhất trí với đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT

- Bước 3: Sở Ngoại vụ trao đổi, trình UBND cấp tỉnh gửi công văn lấy ý kiến Bộ Ngoại giao về sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 4: (07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đề xuất): Bộ Ngoại giao cho ý kiến bằng văn bản về sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT trên cơ sở đánh giá quan hệ giữa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

- Bước 5: Trên cơ sở ý kiến đồng ý của Bộ Ngoại giao, Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT nhân danh HĐND/UBND cấp tỉnh.

- Bước 6: (15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện có hiệu lực): HĐND/UBND cấp tỉnh thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: yêu cầu, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT; nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện của TTQT; đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã

hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác; việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14; tính khả thi, hiệu quả của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

- Bản sao TTQT được đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật TTQT số 70/2020/QH14 và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến;

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

- Bản sao TTQT được đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành ở địa phương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành liên quan.

6. Kết quả thực hiện:

TTQT được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

V. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

1. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp tỉnh thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp tỉnh tiếp nhận) thực hiện rà soát quy định của TTQT bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, trong đó bao gồm cả việc rà soát sự thay đổi quyền và nghĩa vụ của bên ký kết Việt Nam (thông qua Sở Ngoại vụ).

- Bước 2: Sở Ngoại vụ thực hiện thông báo, trao đổi với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong TTQT, sự cần thiết sửa đổi, bổ sung các nội dung khác, việc gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT (nếu có).

- Bước 3: Cơ quan cấp tỉnh tiếp nhận gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT để lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

- Bước 4: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Bước 5: Sở Ngoại vụ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện

TTQT trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh(HĐND)/Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 6: Chủ tịch HĐND/UBND cấp tỉnh hoặc một người khác được uỷ quyền bằng văn bản tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

- Bước 7: (15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT có hiệu lực): Cơ quan cấp tỉnh tiếp nhận báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, đồng thời gửi Bộ Ngoại giao bản sao văn bản sửa đổi, bổ sung đã ký với đối tác nước ngoài để thông báo.

Trường hợp sửa đổi TTQT nhân danh cơ quan cấp tỉnh bị tác động do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan cấp tỉnh chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi TTQT, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan theo quy định hiện hành.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Yêu cầu, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT; nội dung chính sửa đổi, bổ sung; đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đánh giá tác động của nội dung sửa đổi, bổ sung về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác; việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật TTQT năm 2020; tính khả thi, hiệu quả của nội dung sửa đổi, bổ sung.

- Dự thảo nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến (nếu có), đề xuất về việc uỷ quyền ký nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến;

- Dự thảo nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cán bộ, công chức của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh tiếp nhận đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT; cán bộ, công chức của Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiếp nhận.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến TTQT đó.

6. Kết quả thực hiện:

Văn bản TTQT đã được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.

VI. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp

1. Các bước thực hiện

- Bước 1: Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Sở thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) nhân danh cơ quan cấp Sở đã ký kết (sau đây gọi tắt là “cơ quan cấp Sở tiếp nhận”) tiến hành rà soát quy định của TTQT bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

- Bước 2: Cơ quan cấp Sở tiếp nhận thông báo, trao đổi, thống nhất với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định liên quan đến tên gọi của cơ quan được quy định trong TTQT, sự cần thiết sửa đổi, bổ sung các nội dung khác, việc gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT (nếu có).

- Bước 3: Cơ quan cấp Sở tiếp nhận lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

- Bước 4: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

- Bước 5: Cơ quan cấp Sở tiếp nhận tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT cho Sở Ngoại vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 6: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

- Bước 7: Người đứng đầu cơ quan cấp Sở tiếp nhận (hoặc người được uỷ quyền) tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

- Bước 8: (15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT có hiệu lực): Cơ quan cấp Sở tiếp nhận báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, đồng gửi Sở Ngoại vụ để thông báo.

Trường hợp sửa đổi TTQT nhân danh cơ quan cấp Sở bị tác động do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan cấp Sở tiếp nhận gửi hồ sơ cho cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi TTQT, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan theo quy định hiện hành.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến

- Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, trong đó nêu rõ: lý do đề xuất, nội dung đề xuất (gồm: nội dung sửa đổi, bổ sung, thời điểm rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện).

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế;

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan;

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc thông qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Chủ tịch HĐND và UBND cấp tỉnh; cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh, Sở Ngoại vụ, cơ quan cấp Sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Sở thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế; các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh, Sở Ngoại vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

6. Kết quả thực hiện

Văn bản TTQT đã được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

7. *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

8. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT năm 2020, nội dung TTQT quy định tại Điều 3 của Nghị định 64/2021/NĐ-CP.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện TTQT nhân danh tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức.
- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

VII. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh nhiều cơ quan cấp Sở

1. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Các cơ quan cấp Sở cùng tham gia ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) với bên ký kết nước ngoài thống nhất bằng văn bản chỉ định một cơ quan cấp Sở làm đầu mối ký kết (sau đây gọi tắt là cơ quan đầu mối).
- Bước 2: Cơ quan đầu mối lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.
- Bước 3: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.
- Bước 4: Cơ quan đầu mối tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết TTQT cho Sở Ngoại vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh xem xét, quyết định.
 - + Bước 4a: Trường hợp TTQT nhân danh cấp Sở có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh, đầu tư hoặc/và có nội dung phức tạp, nhạy cảm về đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, ngoài việc xin ý kiến theo quy trình tại Bước 1 – Bước 3, cơ quan đầu mối trình UBND cấp tỉnh gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao.
 - + Bước 4b: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến): Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao trả lời bằng văn bản.
- Bước 5: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết TTQT.

Trường hợp phải xử lý thêm các bước 3a, 3b, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết TTQT sau khi nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan cấp Bộ nêu trên.

- Bước 6: Người đứng đầu cơ quan cấp Sở tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký TTQT.

- Bước 7: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): Cơ quan cấp Sở báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh bản sao TTQT để thông báo.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích của việc ký kết TTQT; nội dung chính của TTQT; đánh giá sự phù hợp của TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam, tác động của TTQT dự định ký kết; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và Điều 3 của Nghị định 64/2021/NĐ-CP; kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật TTQT.

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản chỉ định một cơ quan cấp Sở làm đầu mối ký kết.
- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có);
- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan.
- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc thông qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cán bộ, công chức của cơ quan cấp Sở đề xuất ký TTQT, Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan cấp Sở đề xuất ký TTQT, Sở Ngoại vụ, các cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

6. Kết quả thực hiện:

Văn bản TTQT đã được ký kết.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14, nội dung TTQT quy định tại Điều 3 của Nghị định 64/2021/NĐ-CP.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện TTQT nhân danh tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;
- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

VIII. Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế của Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết trước ngày 01/7/2025

1. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Sở Ngoại vụ thông báo, trao đổi với đối tác nước ngoài về sự cần thiết sửa đổi quy định sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện ký kết trước ngày 01/7/2025.

- Bước 2: Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

- Bước 3: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cho ý kiến): Các cơ quan được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

- Bước 4: Sở Ngoại vụ tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Bước 5: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ): Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

- Bước 6: Chủ tịch UBND cấp tỉnh tiến hành ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký văn bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT với bên ký kết nước ngoài.

- Bước 7: (15 ngày kể từ ngày việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT có hiệu lực): UBND cấp tỉnh thông báo cho Bộ Ngoại giao về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT.

Trường hợp sửa đổi TTQT được kế thừa bị tác động do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp chỉ liên quan đến tên gọi của bên ký kết Việt Nam, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh chủ động tiến hành thủ tục sửa đổi TTQT, không thực hiện xin ý kiến bằng văn bản của các cơ quan theo quy định hiện hành.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, trong đó nêu rõ: lý do đề xuất, nội dung đề xuất (gồm: nội dung sửa đổi, bổ sung, thời điểm rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện).

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT;

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan;

- Dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc thông qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cán bộ, công chức UBND cấp tỉnh, Sở Ngoại vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh, Sở Ngoại vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có liên quan trực tiếp đến TTQT đó và các cơ quan khác có liên quan.

6. Kết quả thực hiện

Văn bản TTQT đã được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT số 70/2020/QH14.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại;
- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

IX. Ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới

1. Các bước thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã biên giới gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ.
- Bước 2: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Trường hợp cần thiết, Sở Ngoại vụ cho ý kiến bằng văn bản.

- Bước 3: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cho ý kiến của Sở Ngoại vụ): UBND cấp xã biên giới giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế (TTQT) cho Sở Ngoại vụ.

+ Bước 3a: (03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Trong trường hợp Sở Ngoại vụ không cho ý kiến, cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

+ Bước 3b: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất ký kết TTQT nhân danh UBND cấp xã biên giới): Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

- Bước 4: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Ngoại vụ): Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc ký kết TTQT nhân danh UBND cấp xã biên giới.

- Bước 5: Chủ tịch UBND cấp xã biên giới tiến hành ký kết hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký TTQT.

- Bước 6: (15 ngày kể từ ngày TTQT được ký kết): UBND cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao TTQT.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất ký kết TTQT, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích của việc ký kết TTQT; nội dung chính của TTQT; đánh giá sự phù hợp của TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam, tác động của TTQT dự định ký kết; việc tuân thủ các quy định tại Điều 3 của Luật TTQT và Điều 3 của Nghị định 64/2021/NĐ-CP; kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật TTQT.

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc ký kết TTQT và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan;

- Dự thảo văn bản TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cán bộ, công chức UBND cấp xã biên giới đề xuất ký kết TTQT, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã biên giới đề xuất ký kết TTQT, Sở Ngoại vụ, Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

6. Kết quả thực hiện:

Văn bản TTQT đã được ký kết.

7. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT năm 2020.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại;
- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

X. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Ủy ban nhân dân cấp xã biên giới

1. Các bước thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã biên giới gửi hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ.

- Bước 2: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Trường hợp cần thiết, Sở Ngoại vụ cho ý kiến bằng văn bản.

- Bước 3: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cho ý kiến của Sở Ngoại vụ): UBND cấp xã biên giới giải trình, tiếp thu ý kiến và gửi hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế (TTQT) cho Sở Ngoại vụ.

+ Bước 3a: (03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ): Trong trường hợp Sở Ngoại vụ không cho ý kiến, Sở Ngoại vụ lấy ý kiến bằng văn bản của Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

+ Bước 3b: (07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ về đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT nhân danh UBND cấp xã biên giới): Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản.

- Bước 4: (05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của cơ quan ngoại vụ cấp tỉnh): Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT nhân danh UBND cấp xã biên giới.

- Bước 5: Chủ tịch UBND cấp xã biên giới tiến hành ký hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác ký nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT nhân danh UBND cấp xã biên giới.

- Bước 6: (15 ngày kể từ ngày TTQT được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện): UBND cấp xã biên giới báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Ngoại vụ bản sao TTQT.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Hồ sơ lấy ý kiến:

- Văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, trong đó nêu rõ bối cảnh, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT; nội dung chính sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện; đánh giá sự phù hợp của TTQT với quy định của pháp luật Việt Nam, tác động của dự định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện; việc tuân thủ

các quy định tại Điều 3 của Luật TTQT và Điều 3 của Nghị định 64/2021/NĐ-CP; kiến nghị họ tên, chức vụ của người đại diện ký; kiến nghị về việc đăng tải, bảo mật.

- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

2.2. Hồ sơ trình:

- Văn bản đề xuất về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện và vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có);

- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan;

- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện; bản sao văn bản TTQT đề xuất chấm dứt bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp TTQT chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

3. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

4. Đối tượng thực hiện:

Cán bộ, công chức UBND cấp xã biên giới đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, Sở Ngoại vụ, Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

5. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã biên giới đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện TTQT, Sở Ngoại vụ, Công an cấp tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan.

6. Kết quả thực hiện:

Văn bản TTQT đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện.

7. *Phí, lệ phí (nếu có):* Không.

8. *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Không quy định.

9. Yêu cầu điều kiện:

Tuân thủ nguyên tắc ký kết và thực hiện TTQT theo quy định của Luật TTQT năm 2020.

10. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14 của Quốc hội ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh tổng cục, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức;
- Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại;
- Nghị định số 177/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế; xử lý một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp tổ chức bộ máy trong lĩnh vực thỏa thuận quốc tế.

B. Lĩnh vực: Đối ngoại

I. Thủ tục cho phép tổ chức đoàn ra

1. Các bước thực hiện:

Bước 1: Các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Sở Ngoại vụ.

Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ: Sở Ngoại vụ thẩm định và trả kết quả cho cơ quan, đơn vị: 07 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền cấp trên (Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh): Sở Ngoại vụ thẩm định, trình các cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc.

Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và trả kết quả cho Sở Ngoại vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp thủ tục hành chính không được giải quyết phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do: 20 ngày làm việc.

Bước 3: Sau khi nhận được kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan có thẩm quyền; Sở Ngoại vụ trả kết quả cho khách hàng.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Tờ trình/công văn, đề án.
 - + Thư mời của đối tác hoặc văn bản có liên quan đến việc tổ chức đoàn ra.
 - + Kế hoạch, lịch trình công tác.

- + Dự thảo nội dung làm việc.
- + Biên bản dự kiến ký kết.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan cấp trên: 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trừ trường hợp đặc biệt).
- Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ: 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

6. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan thực hiện: Sở Ngoại vụ.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.
- Cơ quan có thẩm quyền: Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Ngoại vụ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định cho phép hoặc văn bản không cho phép tổ chức đoàn ra

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Nội dung tờ trình, công văn hoặc đề án tổ chức đoàn ra nêu rõ: Mục đích, thành phần, nội dung công tác, địa điểm, thời gian, kinh phí cho chuyến đi (thành phần đoàn ghi rõ thông tin: cán bộ do bầu cử, công chức, viên chức; mã ngạch, bậc lương, chức vụ); công văn mời hoặc thư mời của đơn vị tổ chức hoặc chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý:

- Thông tư số 03/2016/TT-BNG ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị cấp thị thực.
- Quyết định số 2043-QĐ/TU ngày 03/9/2019 của Tỉnh ủy về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hà Giang (cũ).

II. Cho phép đón tiếp đoàn vào

1. Các bước thực hiện:

Bước 1: Các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Sở Ngoại vụ.

Sở Ngoại vụ tiếp nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ: Sở Ngoại vụ thẩm định và trả kết quả cho cơ quan, đơn vị: 07 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền cấp trên (Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh): Sở Ngoại vụ thẩm định, trình các cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định: 05 ngày làm việc.

Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định và trả kết quả cho Sở Ngoại vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh). Trường hợp thủ tục hành chính không được giải quyết phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do: 20 ngày làm việc.

Bước 3: Sau khi nhận được kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan có thẩm quyền; Sở Ngoại vụ trả kết quả cho khách hàng.

2. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp hoặc qua Hệ thống quản lý văn bản điện tử.

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình/công văn, đề án.

+ Thư mời của đối tác hoặc văn bản có liên quan đến việc tổ chức đoàn ra.

+ Kế hoạch, lịch trình công tác.

+ Dự thảo nội dung làm việc.

+ Biên bản dự kiến ký kết.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trên: 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trừ trường hợp đặc biệt).

- Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ: 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

6. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan thực hiện: Sở Ngoại vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền: Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Ngoại vụ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định cho phép hoặc văn bản không cho phép tổ chức đón tiếp đoàn vào.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Công văn, tờ trình, đề án hoặc Kế mời, đón tiếp và làm việc với đoàn khách nước ngoài cần nêu rõ: Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài; danh sách đoàn (nếu là tổ chức), quốc tịch, chức vụ, nơi công tác, số hộ chiếu (kèm theo bản phô tô hộ chiếu); địa điểm làm việc; Nội dung làm việc, chương trình làm việc; thời gian đến và kết thúc.

11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Quyết định số 2043-QĐ/TU ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Tỉnh ủy về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Phần III.**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC NỘI BỘ**

1. Quy trình nội bộ lĩnh vực đối ngoại: 25 ngày làm việc (Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền cấp trên)

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1		Xin phép tổ chức đoàn ra
2		Cho phép đón tiếp đoàn vào

b) Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	02	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	03	
Bước 3	Ký hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Lãnh đạo Sở	02	
Bước 4	Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh duyệt hồ sơ	Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh	16	Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
Bước 5	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	01	
Bước 6	Trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01	

2. Quy trình nội bộ lĩnh vực đối ngoại: 07 ngày làm việc (Trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ)

a) TTHC áp dụng quy trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1		Xin phép tổ chức đoàn ra
2		Cho phép đón tiếp đoàn vào

b) Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01	
Bước 2	Phân công thực hiện	CCVC trực Bộ phận Một cửa	0,5	
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	03	
Bước 4	Duyệt, ký hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01	
Bước 5	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	0,5	
Bước 6	Trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa	01	